

Số: **76** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **10** tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương quý I năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; theo kết quả rà soát, đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 675/STC-QLNS ngày 09/4/2025, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương quý I năm 2025, như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 60/CK-NSNN):

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Quý I năm 2025 đạt 8.506 tỷ đồng, bằng 26,6% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 98% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó:

a) Thu nội địa đạt 5.415 tỷ đồng, bằng 28% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 97,2% so với cùng kỳ năm 2024.

*** Đánh giá một số khoản thu:**

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 2.704 tỷ đồng, bằng 25,2% dự toán năm, bằng 80,7% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó thu chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất là 2.565 tỷ đồng, bằng 24,7% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 79% so với cùng kỳ năm 2024;

+ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 615 tỷ đồng, bằng 89,7% dự toán năm, bằng 197,4% so với cùng kỳ năm 2024;

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 1.346 tỷ đồng, đạt 36% dự toán năm, bằng 118% so với cùng kỳ năm 2024;

+ Thuế thu nhập cá nhân đạt 302 tỷ đồng, bằng 47,9% dự toán năm, bằng 122,5% so với cùng kỳ năm 2024;

+ Thuế bảo vệ môi trường đạt 120 tỷ đồng, bằng 12,4% dự toán năm, bằng 88,1% so với cùng kỳ năm 2024;

+ Các khoản thu còn lại đạt 328 tỷ đồng, bằng 12,7% dự toán năm và bằng 84,8% so với cùng kỳ năm trước;

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: đạt 3.091 tỷ đồng, bằng 24,5% so với dự toán năm và bằng 99,6% so với cùng kỳ năm 2024.

Nhìn chung, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 3 tháng đầu năm đảm bảo tiến độ so với dự toán tỉnh giao. Một số khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán giao như: Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (đạt 89,7%), khu vực ngoài quốc doanh (đạt 36%), thuế thu nhập cá nhân (đạt 47,9%), thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (đạt 40,3%). Tuy nhiên, vẫn có những khoản thu đạt khá

thấp như: Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản tại xã (đạt 8%), Thu tiền sử dụng đất (đạt 2,4%) do các dự án đầu tư sử dụng đất chủ yếu triển khai thực hiện trong Quý III và Quý IV/2025.

c) Thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp đạt 4.942 tỷ đồng, bằng 28,1% dự toán năm và bằng 96,9% so với cùng kỳ năm trước.

2. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Biểu số 61/CK-NSNN)

Tổng chi ngân sách địa phương Quý I năm 2025 đạt 3.215 tỷ đồng, bằng 17,1% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 125,1% so với cùng kỳ năm 2024; cụ thể:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương Quý I năm 2025 là 3.134 tỷ đồng, bằng 17,9% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 127,6% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 375 tỷ đồng, bằng 8,4% so với dự toán năm và bằng 96,5% so với cùng kỳ năm 2024.

- Chi thường xuyên: 2.758 tỷ đồng, bằng 21,9% so với dự toán năm và bằng 133,6% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: 1.122 tỷ đồng, bằng 22% dự toán năm;

+ Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình: 309 tỷ đồng, bằng 23,4% dự toán năm;

+ Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể: 663 tỷ đồng, bằng 29,9% dự toán năm;

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 154 tỷ đồng, bằng 7,6% dự toán năm;

+ Chi đảm bảo xã hội: 284 tỷ đồng, bằng 32,9% dự toán năm;

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,140 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đạt 81 tỷ đồng, bằng 6,8% dự toán năm, bằng 71,3% so với cùng kỳ năm 2024.

Nhìn chung, chi ngân sách địa phương Quý I năm 2025 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao; tập trung thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Chi Cục Thống kê tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XII;
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP(KTTH);
- Công TT-ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTHTien132.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Giang



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	31.950.000	8.505.982	26,6	98,0
I	Thu cân đối NSNN	31.950.000	8.505.982	26,6	154,8
1	Thu nội địa	19.350.000	5.414.687	28,0	97,2
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	12.600.000	3.091.295	24,5	99,6
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
III	Thu vay vốn để bù đắp bội chi			0,0	0,0
B	TỔNG CHI NSDP	18.750.321	3.215.159	17,1	125,1
I	Chi cân đối NSDP	17.541.092	3.133.867	17,9	127,6
1	Chi đầu tư phát triển	4.445.930	374.991	8,4	96,5
2	Chi thường xuyên	12.582.357	2.757.736	21,9	133,6
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.100	0		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100,0	100,0
5	Dự phòng ngân sách	406.003			
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	101.562			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.192.529	81.292	6,8	71,3
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	0			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	16.700			



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	31.950.000	8.505.982	26,6	98,0
I	Thu nội địa	19.350.000	5.414.687	28,0	97,2
1	Thu từ khu vực DNNN	10.748.000	2.704.453	25,2	80,7
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	685.000	614.739	89,7	197,4
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.737.000	1.345.779	36,0	118,0
4	Thuế thu nhập cá nhân	630.000	301.982	47,9	122,5
5	Thuế bảo vệ môi trường	967.000	119.755	12,4	88,1
6	Lệ phí trước bạ	195.000	51.748	26,5	113,4
7	Thu phí, lệ phí	220.000	58.513	26,6	110,6
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.738.000	46.177	2,7	35,4
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	18.000	1.354	7,5	159,3
-	Thu tiền sử dụng đất	1.600.000	38.197	2,4	32,6
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	80.000	6.586	8,2	80,6
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	40.000	40	0,1	0,9
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	59.000	32.642	55,3	90,0
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	4.000	4.844	121,1	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	125.000	50.344	40,3	120,2
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	12.000	962	8,0	127,2
13	Thu khác ngân sách	230.000	82.749	36,0	104,9
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	12.600.000	3.091.295	24,5	99,6
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	11.900.000	2.996.452	25,2	105,6
2	Thuế xuất khẩu	200.000	33.665	16,8	101,9
3	Thuế nhập khẩu	409.500	31.708	7,7	14,8
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		2		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	90.000	27.204	30,2	147,4
6	Thu khác	500	2.264	452,8	214,2
IV	Thu viện trợ				
V	Thu vay vốn để bù đắp bội chi				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	17.557.792	4.942.124	28,1	96,9
1	Từ các khoản thu phân chia	15.023.592	4.621.321	30,8	98,0
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	2.534.200	320.803	12,7	83,9

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	18.750.321	3.215.159	17,1	125,1
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	17.541.092	3.133.867	17,9	127,6
I	Chi đầu tư phát triển	4.445.930	374.991	8,4	96,5
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.050.930	252.991	6,2	75,9
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	395.000	122.000	30,9	221,8
II	Chi thường xuyên	12.582.357	2.757.736	21,9	133,6
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.109.487	1.122.707	22,0	141,7
2	Chi khoa học và công nghệ	33.770	2.140	6,3	53,9
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.323.461	309.468	23,4	125,9
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	174.950	40.250	23,0	137,7
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	66.794	8.588	12,9	164,9
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	60.030	9.367	15,6	114,4
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	218.584	22.795	10,4	101,0
8	Chi sự nghiệp kinh tế	2.024.091	154.113	7,6	127,7
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	2.214.699	662.787	29,9	136,7
10	Chi bảo đảm xã hội	864.132	284.273	32,9	131,1
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.100		0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100,0	100,0
V	Dự phòng ngân sách	406.003			
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	101.562			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.192.529	81.292	6,8	71,3
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	485.880	34.751	7,2	62,2
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	565.112	37.341	6,6	76,1
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	141.537	9.200	7	102,2

